

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ T
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2020/KDTM-ST

Ngày: 22-7-2020

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ T, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Tâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Văn Nô;
2. Ông Lê Quang Xet.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã T tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã T mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 02/2020/TLST-KDTM ngày 14 tháng 01 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2020/QĐXXST-KDTM ngày 02 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP N; địa chỉ: Số 198 Trần Quang K, phường Lý Thái T, quận H, Thành phố Hà Nội; địa chỉ chi nhánh: Số 121 đường ĐT 743B, khu phố Th, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

- Ông Nguyễn Quang B, chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng TMCP N – Chi nhánh Nam Bình Dương. *Có đơn xin vắng mặt;*

- Ông Bùi Đức L, chức vụ: Trưởng phòng Khách hàng bán lẻ Ngân hàng TMCP N – Chi nhánh Nam Bình Dương. *Có mặt.*

Là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 29/10/2019).

2. Bị đơn: Công ty TNHH Một Thành viên Sản xuất T; địa chỉ: Số 09/3 khu phố B, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương

Người đại diện hợp pháp: Ông Dương Phúc H, sinh năm 1980, địa chỉ: Khu phố V, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 17/01/2020). *Có đơn xin vắng mặt.*

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Công ty TNHH Một Thành Viên Sản Xuất G, địa chỉ: Phường K, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Ngọc Tr; chức vụ: Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty. *Có đơn xin vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng TMCP N - Chi nhánh Nam Bình Dương (sau đây viết tắt là Ngân hàng N) thực hiện giao dịch tín dụng cho vay theo Hợp đồng tín dụng theo dự án đầu tư phát triển số 086DA.TPK15 ngày 27/10/2015 với Công ty TNHH MTV Sản xuất T (sau đây viết tắt là Công ty T) với một số nội dung chính sau:

- Số tiền cho vay: 350.000.000 đồng;
- Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên của khoản vay.
- Lãi suất cho vay trong hạn: Lãi suất cho vay trung hạn VND điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng TMCP N - Chi nhánh Nam Bình Dương trong từng thời kỳ.
- Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn, được tính trên nợ gốc thực tế quá hạn và thời gian quá hạn.
- Lãi quá hạn, mức phạt quá hạn là: 3% số nợ lãi quá hạn.

Biện pháp bảo đảm: Khoản vay nêu trên được bảo đảm bằng Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 81/TC/2015/VCBNBD.TPK ngày 27/10/2015 ký với Công ty T, tại thời điểm ký hợp đồng thế chấp tổng giá trị là 720.320.000 đồng, chi tiết về tài sản như sau:

STT	Tên máy móc	Đơn vị	Số lượng	Giá trị
1	Máy bào 2 mặt	Bộ	1	405.180.000
2	Máy cưa xả gỗ	Bộ	1	315.140.000
Tổng:				720.320.000

Tạm tính đến hết ngày 22/07/2020, tổng số nợ của Công ty T tại Ngân hàng N là 254.061.305 đồng, bao gồm:

- Nợ gốc: 200.000.000 đồng;
- Nợ lãi trong hạn: 44.418.888 đồng;
- Nợ lãi quá hạn: 9.642.417 đồng.

Quá thời hạn trả nợ từ ngày 26/7/2018, Ngân hàng N đã nhiều lần gửi văn bản và liên hệ đề nghị trả nợ nhưng Công ty T không thực hiện nghĩa vụ của mình. Đến nay, Công ty T vẫn không thanh toán các khoản nợ vay như quy định tại Hợp đồng tín dụng. Do vậy, Ngân hàng TMCP N – Chi nhánh Nam Bình Dương khởi kiện Công ty TNHH MTV Sản xuất T đến Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương yêu cầu các vấn đề sau:

Buộc Công ty TNHH MTV Sản xuất T phải trả cho Ngân hàng TMCP N toàn bộ nợ gốc, lãi, lãi quá hạn phát sinh liên quan đến Hợp đồng tín dụng nêu trên với số tiền tạm tính đến hết ngày 22/07/2020 là 254.061.305 đồng, bao gồm:

- + Nợ gốc: 200.000.000 đồng;
- + Nợ lãi trong hạn: 44.418.888 đồng;
- + Nợ lãi quá hạn: 9.642.417 đồng.

Và toàn bộ các khoản lãi, lãi quá hạn phát sinh cho đến khi Công ty TNHH MTV Sản xuất T thanh toán xong toàn bộ các nghĩa vụ nêu trên.

Nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc: Trường hợp Công ty TNHH MTV Sản xuất T không thanh toán đủ nợ cho Ngân hàng TMCP N thì Ngân hàng TMCP N có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mại các tài sản theo hợp đồng bảo đảm nêu trên để thu hồi nợ.

Tại bản tự khai nộp cho Tòa án, đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Dương Phúc Hải trình bày:

Nguyên trước đây, Công ty TNHH MTV Sản xuất T (sau đây viết tắt là Công ty T) có ký kết Hợp đồng tín dụng theo dự án đầu tư phát triển số 086DA.TPK15 ngày 27/10/2015 để vay của Ngân hàng TMCP N – Chi nhánh Nam Bình Dương (sau đây viết tắt là Ngân hàng N) số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) nhằm phục vụ cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty T. Tài sản để bảo đảm cho khoản vay nêu trên là 01 máy bào 02 mặt và 01 máy cưa xẻ gỗ. Sau khi nhận được số tiền vay từ Ngân hàng N, Công ty T tiến hành đầu tư cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên, do suy thoái kinh tế nên hoạt động của Công ty T gặp khó khăn, dẫn đến thua lỗ. Vì vậy Công ty T chưa thanh toán được tiền nợ gốc cũng như lãi phát sinh cho phía Ngân hàng N.

Nay Ngân hàng TMCP N khởi kiện yêu cầu Công ty T phải thanh toán số tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh tạm tính đến ngày 27/10/2019 là 32.848.278 đồng thì Công ty T đồng ý thanh toán.

Đối với các tài sản gồm máy bào 02 mặt, 01 máy cưa xẻ gỗ đã thế chấp nhằm bảo đảm cho khoản vay nêu trên thì trong quá trình hoạt động đã bị hư hỏng cũng như sau khi Công ty T không còn khả năng thanh toán tiền thuê nhà xưởng nên đã phải đem ra ngoài, không có người trông coi dẫn đến bị thất lạc nên không còn tài sản bảo đảm như trên cho khoản vay. Tuy nhiên, Công ty T cam kết việc thực hiện thanh toán nợ cho Ngân hàng N. Do bản công việc đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt.

Tại bản tự khai nộp cho Tòa án, ông Nguyễn Ngọc Tr là người đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH Một Thành Viên Sản Xuất G trình bày:

Công ty TNHH MTV Sản xuất T (sau đây viết tắt là Công ty T) và Công ty TNHH MTV Sản xuất G (sau đây viết tắt là Công ty G) là hai công ty riêng biệt, không liên quan gì đến nhau về tài chính cũng như các tài sản cố định. Trước đây, Công ty T có thuê nhà xưởng tại địa chỉ khu phố B, phường K, thị xã T. Tuy nhiên, do Công ty T nợ tiền thuê nhà xưởng 06 tháng nên bị lấy lại nhà xưởng. Sau đó, Công ty G mới thuê lại nhà xưởng từ Công ty Q để hoạt động sản xuất kinh doanh. Các tài sản hiện nay có tại nhà xưởng của Công ty G là thuộc sở hữu của Công ty G cũng như tại nhà xưởng của Công ty G không có máy bào 02 mặt có số hiệu GT-635ARD và 01 máy cưa xẻ gỗ có số hiệu RSN-12C như trình bày của phía nguyên đơn. Công ty G đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

Tại Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 30/6/2020 của TAND thị xã T thể hiện: Qua xem xét toàn bộ các máy móc có tại nhà xưởng của Công ty TNHH MTV Sản xuất G không phát hiện các tài sản đã thế chấp bảo lãnh cho khoản vay của Công ty TNHH MTV Sản xuất T tại Ngân hàng TMCP N, gồm: 01 máy bào 02 mặt có số hiệu GT-635ARD và 01 máy cưa xẻ gỗ có số hiệu RSN-12C.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa trình bày quan điểm như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình trong quá trình giải quyết vụ án.

- Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã T nhận thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn, cụ thể như sau:

+ Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc buộc Công ty TNHH MTV Sản xuất T có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP N số tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh tạm tính đến ngày xét xử 22/7/2020 là 54.061.305 đồng.

+ Đề nghị HĐXX đình chỉ xét xử đối với yêu cầu về việc phát mãi tài sản thế chấp gồm: 01 máy bào 02 mặt có số hiệu GT-635ARD và 01 máy cưa xẻ gỗ có số hiệu RSN-12C do nguyên đơn xin rút yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Về thẩm quyền: Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP N là loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 317, Điều 385 của Bộ luật Dân sự, điểm a khoản 3 Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng. Bị đơn Công ty TNHH MTV Sản xuất T có địa chỉ trụ sở tại phường T, thị xã T, căn cứ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương.

[2] Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu phát mãi tài sản theo Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 81/CT/2015/VCBNBD.TPK ngày 27/20/2015, gồm 01 máy bào 02 mặt có số hiệu GT-635ARD và 01 máy cưa xẻ gỗ có số hiệu RSN-12C để thu hồi nợ. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện, không trái pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về việc vắng mặt của các đương sự: Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn và người đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với họ là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết tranh chấp:

[1] Xét nội dung tranh chấp giữa các bên đương sự, Hội đồng xét xử nhận định: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, các bên đều thừa nhận có ký kết Hợp đồng

tín dụng số đồng tín dụng theo dự án đầu tư phát triển số 086DA.TPK15 ngày 27/10/2015 giữa Ngân hàng TMCP N (sau đây viết tắt là Ngân hàng N) và Công ty TNHH Một Thành Viên sản xuất T (sau đây viết tắt là Công ty T). Tại thời điểm ký kết hợp đồng, các bên đều có đủ năng lực hành vi dân sự, việc ký kết hợp đồng của các bên là tự nguyện, không trái pháp luật nên hợp đồng phát sinh hiệu lực và buộc các bên phải thực hiện.

[2] Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Ngân hàng N đã giải ngân cho Công ty T số tiền 200.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền, Công ty T không thực hiện việc thanh toán nợ gốc và lãi cho Ngân hàng N theo thỏa thuận. Vì vậy, Ngân hàng N khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty T phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán tổng số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 22/7/2020 với số tiền 254.061.305 đồng. Yêu cầu như trên của nguyên đơn đã được bị đơn đồng ý.

[3] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết nội dung tranh chấp giữa các bên đương sự là có cơ sở xem xét.

[5] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227 và Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 385 Bộ luật Dân sự; Điều 91, Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP N đối với bị đơn Công ty TNHH MTV Sản xuất T về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Buộc Công ty TNHH MTV Sản xuất T phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP N số tiền nợ gốc và lãi phát sinh tạm tính đến ngày 22/7/2020 là 254.061.305 đồng (Hai trăm năm mươi bốn triệu không trăm sáu mươi một nghìn ba trăm linh năm đồng).

Kể từ ngày 23/7/2020, Công ty TNHH MTV Sản xuất T phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TMCP N khoản tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng theo dự án đầu tư phát triển số 086DA.TPK15 ngày 27/10/2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP N đối với bị đơn Công ty TNHH MTV Sản xuất T về việc yêu cầu phát mãi tài sản bảo đảm là 01 máy bào 02 mặt có số hiệu GT-635ARD và 01 máy cưa xả gỗ có số hiệu RSN-12C để bảo đảm thi hành án.

3. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Công ty TNHH MTV Sản xuất T phải nộp 12.703.000 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

- Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T, tỉnh Bình Dương hoàn trả cho Ngân hàng N số tiền 5.821.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0037563 ngày 08/01/2020.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; các đương sự vắng mặt tại Tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã T;
- Chi cục THADS thị xã T;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tấn Tâm